

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09/4/2011)
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, toà nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (trước đây là Công ty Cổ phần Hải Việt)	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 29.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Những thay đổi đáng chú ý trong năm

- Trong năm 2011, Công ty đã đăng ký thay đổi vốn điều lệ từ 246.001.050.000 đồng lên 295.183.610.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 05/12/2011.
- Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm tra quyết toán thuế Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 theo Biên bản thanh tra thuế ngày 19 tháng 01 năm 2012.

10. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

12. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Số: 44/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm

tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

P. GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN VĂN TUYỀN

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2012

HỒ ĐẮC HIẾU

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.519.771.010.247	1.694.335.796.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	145.807.322.249	81.316.427.893
1. Tiền	111		142.501.655.372	44.138.025.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.305.666.877	37.178.402.236
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	8.129.860.614	56.672.146.245
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.476.275.919	58.091.499.551
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(4.346.415.305)	(1.419.353.306)
III. Các khoản phải thu	130	V.03	1.117.377.391.923	1.067.298.290.874
1. Phải thu khách hàng	131		1.056.353.923.445	784.514.772.486
2. Trả trước cho người bán	132		14.914.798.742	36.192.389.316
3. Các khoản phải thu khác	135		47.815.489.618	247.382.120.456
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.706.819.882)	(790.991.384)
IV. Hàng tồn kho	140		90.159.909.339	450.289.493.414
1. Hàng tồn kho	141	V.04	90.159.909.339	450.289.493.414
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	158.296.526.122	38.759.437.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		137.338.634	225.497.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.356.118.058	22.171.628.611
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		150.803.069.430	16.362.311.653
B. Tài sản dài hạn	200		374.273.773.871	387.334.652.593
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		78.265.431.685	86.316.490.793
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	33.973.216.083	16.226.283.903
- Nguyên giá	222		48.449.813.826	26.462.586.518
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.476.597.743)	(10.236.302.615)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	37.125.611.086	37.270.679.086
- Nguyên giá	228		37.686.961.246	37.686.961.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(561.350.160)	(416.282.160)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	7.166.604.516	32.819.527.804
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	292.062.528.718	297.897.680.590
1. Đầu tư vào công ty con	251		235.584.000.000	223.104.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.750.000.000	1.750.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		81.396.618.092	76.042.981.790
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(26.668.089.374)	(2.999.301.200)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.945.813.468	3.120.481.210
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	3.945.813.468	3.120.481.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.894.044.784.118	2.081.670.448.865

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		1.367.181.332.643	1.570.447.787.260
I. Nợ ngắn hạn	310	V.11	1.367.021.768.728	1.568.912.749.825
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		546.070.792.133	664.097.409.597
2. Phải trả người bán	312		715.252.480.611	695.327.908.108
3. Người mua trả tiền trước	313		90.847.569.026	196.192.668.113
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		3.543.992.170	4.792.309.020
5. Phải trả người lao động	315		1.592.800.000	1.200.000.000
6. Chi phí phải trả	316		2.071.213.829	2.136.753.710
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.423.747.584	2.981.394.010
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.219.173.375	2.184.307.267
II. Nợ dài hạn	330		159.563.915	1.535.037.435
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.528.297.018
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		159.563.915	6.740.417
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.12	526.863.451.475	511.222.661.605
I. Vốn chủ sở hữu	410		526.863.451.475	511.222.661.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	246.001.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.250.792.018
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		65.997.808.961	50.188.176.799
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.861.832.312	8.220.162.902
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		430.922.842	52.173.202.526
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.894.044.784.118	2.081.670.448.865

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại - USD	44,466.66	928,224.39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Người lập biểu

Nguyễn Bình Trọng

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		7.214.564.104.156	6.129.891.215.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.426.724.894	28.039.589.570
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.13	7.210.137.379.262	6.101.851.626.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	7.064.662.834.778	5.965.968.237.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		145.474.544.484	135.883.388.616
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	73.755.352.044	39.604.184.738
7. Chi phí tài chính	22	VI.16	105.966.912.262	71.111.319.043
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		63.482.490.846	60.575.146.942
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính			26.595.850.173	(3.640.702.043)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.17	30.185.619.697	30.159.883.870
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.18	27.964.760.051	17.773.861.953
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.112.604.518	56.442.508.488
11. Thu nhập khác	31	VI.19	14.059.467.253	12.762.187.088
12. Chi phí khác	32	VI.20	8.595.283.256	1.592.454.460
13. Lợi nhuận khác	40		5.464.183.997	11.169.732.628
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.576.788.515	67.612.241.116
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21	3.151.538.503	8.696.242.077
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		57.425.250.012	58.915.999.039
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22	2.302	3.612

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Người lập biểu

Nguyễn Bình Trọng

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế / (lỗ)	01	60.576.788.515	67.612.241.116
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.698.178.118	4.337.362.035
Các khoản dự phòng	03	27.511.678.671	(3.859.062.207)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(777.845.272)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(63.033.370.426)	(20.917.370.933)
Chi phí lãi vay	06	63.482.490.846	60.575.146.942
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	92.457.920.452	107.748.316.953
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(166.366.482.606)	(116.130.425.007)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	360.129.584.075	(320.149.674.447)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(74.844.349.880)	288.643.393.101
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	88.158.948	(220.952.128)
Tiền lãi vay đã trả	13	(61.411.277.017)	(59.217.639.300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.033.459.900)	(10.168.202.186)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(11.692.654.334)	(7.739.919.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	129.327.439.738	(117.235.102.181)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.869.847.338)	(12.421.848.252)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	201.818.182	224.944.047
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(704.448.202.867)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	753.989.208.067	9.200.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.275.866.000)	(318.029.708.465)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.516.448.130	13.400.129.863
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.998.377.463	20.756.243.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	80.111.935.637	(286.870.238.874)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	195.969.142.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.073.514.058.423	3.606.241.080.335
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.189.357.121.321)	(3.313.709.370.572)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.075.702.997)	(8.197.537.671)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.056.939.700)	(36.315.583.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(144.975.705.595)	443.987.731.092
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	64.463.669.780	39.882.390.037
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	81.316.427.893	40.817.142.011
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	27.224.576	616.895.845
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	145.807.322.249	81.316.427.893

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Người lập biểu

Nguyễn Bình Trọng

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303522206 ngày 05/12/2011.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Đà Nẵng.

3 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Danh sách công ty con và công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội (trước đây là Công ty CP Hải Việt)	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	80,64%	80,64%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35,00%	35,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2011: 96 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Năm 2010, Ban Giám đốc Công ty đã chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, năm 2011, Ban Giám đốc chọn cách ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) và việc thay đổi này không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh và các số liệu so sánh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	39 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần không quá 12 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí chờ phân bổ khác

8. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm bắt buộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	506.573.524	343.253.376
Tiền gửi ngân hàng (*)	141.995.081.848	43.794.772.281
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất: 14 %/năm	3.305.666.877	37.178.402.236
Cộng	145.807.322.249	81.316.427.893

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 44,466.66 USD tương đương 926.151.595 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đầu tư ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12.476.275.919	8.550.494.351
Tiền gửi có kỳ hạn	-	49.541.005.200
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.346.415.305)	(1.419.353.306)
Cộng	(*) 8.129.860.614	56.672.146.245

(*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2011

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
(**) Ngân hàng TMCP Á Châu	60	2.397.357	(1.101.357)	1.296.000
(**) Công ty CP Thép Pomina	208.020	4.897.021.826	(2.983.237.826)	1.913.784.000
Công ty CP Du lịch Golf VN	44.000	667.822.222	(263.022.222)	404.800.000
Công ty CP Khoáng sản và Xây				
(**) dựng Bình Dương	99.660	3.300.642.614	-	3.300.642.614
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
(**) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
(**) Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
(**) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Cộng		12.476.275.919	(4.346.415.305)	8.129.860.614

Tại ngày 31/12/2011, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị tại ngày 31/12/2010.

(**) Trong năm 2011, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 1.012.369.180 đồng

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(3.1) 1.056.353.923.445	784.514.772.486
Trả trước cho người bán	(3.2) 14.914.798.742	36.192.389.316
Phải thu khác	(3.3) 47.815.489.618	247.382.120.456
Cộng	1.119.084.211.805	1.068.089.282.258
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.4) (1.706.819.882)	(790.991.384)
Cộng	1.117.377.391.923	1.067.298.290.874
(3.1) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu thương mại	469.609.576.556	330.056.011.089
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	586.744.346.889	454.458.761.397
Cộng	1.056.353.923.445	784.514.772.486

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.2) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 83,500.00 USD tương đương 1.739.138.000 đồng và khoản trả trước tiền mua cổ phiếu là 10.100.000.000 đồng.

(3.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ	184.587.896	804.884.434
- Phải thu do được hỗ trợ phí bảo lãnh	-	927.500.000
- Phải thu lãi quá hạn	-	2.435.444.990
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	47.604.831.667	242.686.863.558
- Các khoản phải thu khác	26.070.055	527.427.474
Cộng	47.815.489.618	247.382.120.456

(3.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số dư đầu năm (01/01/2011)	(790.991.384)
Tăng do trích lập dự phòng	(965.958.950)
Giảm do hoàn nhập dự phòng	50.130.452
Số dư cuối năm (31/12/2011)	(1.706.819.882)

4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hoá	90.159.909.339	450.289.493.414
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	90.159.909.339	450.289.493.414

Giá trị hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay được trình bày tại thuyết minh số V.11.1.

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	137.338.634	225.497.582
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	7.356.118.058	22.171.628.611
Tài sản ngắn hạn khác (*)	150.803.069.430	16.362.311.653
Cộng	158.296.526.122	38.759.437.846

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản tạm ứng	188.060.000	119.013.000
- Ký quỹ thuê văn phòng	19.000.000	59.495.548
- Đặt cọc mua ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	45.708.408.458	-
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	3.927.349.248	2.500.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá (4,847,333.00 USD)	100.960.251.724	13.683.803.105
Cộng	150.803.069.430	16.362.311.653

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.416.091.889	186.929.800	7.829.440.748	13.030.124.081	26.462.586.518
Tăng	20.908.589.012	-	1.104.890.910	453.387.595	22.466.867.517
Giảm	-	-	479.640.209	-	479.640.209
Số dư cuối năm	26.324.680.901	186.929.800	8.454.691.449	13.483.511.676	48.449.813.826
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.382.950.000	106.765.010	5.377.378.309	3.369.209.296	10.236.302.615
Tăng	968.244.000	30.180.000	819.653.282	2.735.032.836	4.553.110.118
Giảm	-	-	312.814.990	-	312.814.990
Số dư cuối năm	2.351.194.000	136.945.010	5.884.216.601	6.104.242.132	14.476.597.743
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	4.033.141.889	80.164.790	2.452.062.439	9.660.914.785	16.226.283.903
Số dư cuối năm	23.973.486.901	49.984.790	2.570.474.848	7.379.269.544	33.973.216.083

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua mới và xây dựng cơ bản hoàn thành, giảm do thanh lý và nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.659.924.003 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay là 16.421.975.083 đồng (giá trị còn lại tại ngày 31/12/2011 là 16.093.541.038 đồng) như được trình bày tại thuyết minh số **V.11.1**.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	37.332.567.430	354.393.816	37.686.961.246
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	(*) 37.332.567.430	354.393.816	37.686.961.246
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	261.040.000	155.242.160	416.282.160
Tăng	60.240.000	84.828.000	145.068.000
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	321.280.000	240.070.160	561.350.160
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	37.071.527.430	199.151.656	37.270.679.086
Số dư cuối năm	37.011.287.430	114.323.656	37.125.611.086

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng; quyền sử dụng đất vô thời hạn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trị giá 1.374.739.810 đồng (đang làm thủ tục chuyển quyền sở hữu mang tên Công ty); và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng.

Nguyên giá phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 105.884.160 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay là 33.607.900.000 đồng như được trình bày tại thuyết minh V.11.1.

8. Xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình nhà kho tại Đồng An - Bình Dương	-	4.463.158.009
Công trình văn phòng tại 396 Ung Văn Khiêm	-	16.760.886.807
Chi phí liên quan đến việc lắp đặt phần mềm ERP	5.154.067.854	2.757.876.818
Chi phí lãi vay được vốn hoá tài sản cố định	-	1.726.875.372
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Công ty TNHH Thép SMC	2.012.536.662	6.986.549.545
Các công trình khác	-	124.181.253
Cộng	7.166.604.516	32.819.527.804

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	(9.1) 235.584.000.000	223.104.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.750.000.000	1.750.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(9.2) 81.396.618.092	76.042.981.790
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(9.2) (26.668.089.374)	(2.999.301.200)
Cộng	292.062.528.718	297.897.680.590

(9.1) bao gồm:

Tên công ty	theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 31/12/2011
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100,00%	100,00%	80.000.000.000
- Công ty TNHH Thép SMC	100,00%	100,00%	50.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100,00%	100,00%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100,00%	100,00%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100,00%	100,00%	20.000.000.000
- Công ty CP SMC Hà Nội (trước đây là Công ty CP Hải Việt)	80,64%	80,64%	25.584.000.000
Cộng			235.584.000.000

Trong năm 2011, Công ty đã nhận được lợi nhuận được chia từ các công ty này bằng tiền là 36.070.004.921 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(9.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2011

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
(*) Công ty CP Thép Pomina	1.200.000	28.695.652.174	(17.655.652.174)	11.040.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	200.000	3.420.158.718	-	3.420.158.718
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(6.970.937.200)	5.204.870.000
(*) Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.041.500.000)	678.500.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	-	14.000.000.000
Nhà máy Cơ khí Luyện Kim	30.000	510.000.000	-	510.000.000
Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Nam Long	1.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Cộng		81.396.618.092	(26.668.089.374)	54.728.528.718

(*) Trong năm 2011, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 4.658.712.860 đồng và bằng cổ phiếu là 180.000 cổ phiếu.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên Công ty không ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư của các chứng khoán này.

10. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	940.728.800	1.908.888.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (144,281.00 USD)	3.005.084.668	1.211.592.410
Cộng	3.945.813.468	3.120.481.210

11. Nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	(11.1) 546.070.792.133	664.097.409.597
Phải trả người bán	(11.2) 715.252.480.611	695.327.908.108
Người mua trả tiền trước	(11.3) 90.847.569.026	196.192.668.113
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(11.4) 3.543.992.170	4.792.309.020
Phải trả người lao động (lương tháng 13 còn phải trả)	1.592.800.000	1.200.000.000
Chi phí phải trả (chi phí lãi vay phải trả)	2.071.213.829	2.136.753.710
Các khoản phải trả khác	(11.5) 2.423.747.584	2.981.394.010
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.219.173.375	2.184.307.267
Cộng	1.367.021.768.728	1.568.912.749.825

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.1) bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bằng VND		
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	-	294.800.005.000
- NH TNHH MTV ANZ Việt Nam (a)	182.400.000.000	186.388.902.508
- NH TNHH MTV HSBC Việt Nam (b)	59.300.000.000	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM (c)	50.000.000.000	148.267.629.945
- NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định (d)	27.800.000.000	-
- NH TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (e)	39.000.000.000	-
- Các cá nhân (g)	27.694.566.000	22.614.566.000
Vay ngắn hạn bằng USD		
- NH TNHH MTV HSBC Việt Nam (b)	54.779.517.018	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM (c)	78.419.197.878	-
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM (f)	25.620.363.049	3.072.346.489
Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn (h)	1.057.148.188	8.953.959.655
Cộng	546.070.792.133	664.097.409.597

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam theo hợp đồng tiện ích giữa Công ty, Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC và Ngân hàng TNHH MTV ANZ ngày 01/12/2011 với tổng hạn mức của 03 Công ty là 10,000,000.00 USD; thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Bà Rịa - Vũng Tàu và Khu Công nghiệp Đồng An, Bình Dương và các khoản phải thu của các Bên vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2011 là **182.400.000.000 đồng**.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM110758 ngày 03/6/2011 giữa Công ty, Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC và Ngân hàng TNHH MTV HSBS (Việt Nam) với tổng tiện ích hỗn hợp của 03 Công ty là 206 tỷ đồng; thời hạn vay và lãi suất theo từng thư đề nghị cung cấp tiện ích. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của 03 Công ty này với trị giá tối thiểu là 206 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2011 là 114.079.517.018 đồng bao gồm **59.300.000.000 đồng** và 2,630,090.00 USD tương đương **54.779.517.018 đồng**.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0272/KH/11NH ngày 22/12/2011 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 3 đến 4 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2011 là 128.419.197.878 đồng bao gồm **50.000.000.000 đồng** và 3,765,085.36 USD tương đương **78.419.197.878 đồng**.

(d) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng tín dụng số 116/2011/HĐ ngày 29/6/2011 với hạn mức tín dụng là 90 tỷ đồng; thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2011 là **27.800.000.000 đồng**.

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo thỏa thuận tín dụng thương mại số HCM/2011/025/TTTD ngày 26/9/2011 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng; thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2011 là **39.000.000.000 đồng**.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 11.122008/HĐTDHM ngày 01/9/2011 với hạn mức tín dụng là 600 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 2 đến 6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 50.498.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2011 là 1,230,092.33 USD tương đương **25.620.363.049 đồng**.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thoả thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 1,1 %/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(h) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease. Tài sản thuê tài chính đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thép SMC với giá chuyển nhượng bằng giá vốn.

(11.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)	9.691.785.322	102.546.923
- Phải trả thương mại	(*) 705.560.695.289	695.225.361.185
Cộng	715.252.480.611	695.327.908.108

(*) Trong đó, các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 2,465,280.87 USD tương đương 51.159.417.960 đồng.

(11.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các bên liên quan trả trước (thuyết minh số VII.1)	6.492.476.382	-
- Các khoản người mua trả trước thương mại	(*) 84.355.092.644	196.192.668.113
Cộng	90.847.569.026	196.192.668.113

(*) Chủ yếu là các khoản người mua trả trước liên quan đến các hợp đồng mua bán thép (số lượng và giá trị đã được xác định khi ký hợp đồng).

(11.4) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế nhập khẩu	-	151.503.955
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.242.051.754	3.247.189.047
- Thuế thu nhập cá nhân	301.940.416	1.393.616.018
Cộng	3.543.992.170	4.792.309.020

(11.5) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	287.777.510	92.280.870
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	1.120.000.000	-
- Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (phí tư vấn phát hành thêm cổ phiếu)	702.821.350	2.888.463.140
- Các khoản phải trả khác	313.148.724	650.000
Cộng	2.423.747.584	2.981.394.010

12. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư chủ sở hữu (*)	246.001.050.000	49.182.560.000	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
Cổ phiếu quỹ (**)	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.250.792.018	1.981.758.690	3.232.550.708	-
Quỹ đầu tư phát triển	50.188.176.799	15.809.632.162	-	65.997.808.961
Quỹ dự phòng tài chính	8.220.162.902	3.641.669.410	-	11.861.832.312
Lợi nhuận chưa phân phối	52.173.202.526	57.425.250.012	109.167.529.696	430.922.842
Cộng	511.222.661.605	128.040.870.274	112.400.080.404	526.863.451.475

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 05/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	24.600.105
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	24.600.105
- Cổ phiếu thường	29.518.361	24.600.105
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	24.593.387
- Cổ phiếu thường	29.511.643	24.593.387
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(**) Tính đến 31/12/2011, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2011		52.173.202.526
Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2011		57.425.250.012
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi		(7.283.338.820)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển		(15.809.632.162)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính		(3.641.669.410)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		(415.000.000)
Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN năm 2010		(5.778.389.604)
Trả cổ tức năm 2010 bằng tiền	(a)	(14.756.032.200)
Trả cổ tức năm 2011 bằng tiền	(b)	(12.300.907.500)
Trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu	(b)	(49.182.560.000)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2011		430.922.842

(a) Ngày 09 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2010 là 16% trên mệnh giá. Phần cổ tức này đã được Công ty thực hiện chi trả trong năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011. Bên cạnh đó, Đại hội đồng Cổ đông cũng thông qua phương án trả cổ tức năm 2011 dự kiến bằng tiền mặt là 10% trên mệnh giá, và bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ từ 20% đến 25%.

(b) Ngày 13 tháng 7 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc tạm ứng chia cổ tức đợt 1 năm 2011 bằng tiền là 5% trên mệnh giá và bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT ngày 13/7/2011 và Nghị quyết số 257/NQ-HĐQT ngày 01/10/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

13. Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá	7.213.898.944.156	6.129.200.055.719
Doanh thu cung cấp dịch vụ	665.160.000	691.160.000
Hàng bán bị trả lại	(4.426.724.894)	(28.039.589.570)
Cộng	7.210.137.379.262	6.101.851.626.149
14. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá đã bán	7.064.662.834.778	5.965.968.237.533
Cộng	7.064.662.834.778	5.965.968.237.533
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.765.984.451	8.359.567.898
Lãi ký quỹ	565.478.786	935.989.783
Hoàn nhập lãi ký quỹ năm 2009	-	(1.644.861.000)
Lãi từ các khoản cho vay	892.800.000	449.805.375
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.309.624.581	4.546.179.594
Lãi bán chứng khoán	1.447.350.000	15.937.417.500
Thu phí hỗ trợ sử dụng vốn	9.033.027.265	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.741.086.961	11.010.880.877
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	9.204.711
Cộng	73.755.352.044	39.604.184.738
16. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	63.482.490.846	60.575.146.942
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	26.595.850.173	(3.640.702.043)
Lỗ bán chứng khoán	1.516.448.130	9.113.780.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.372.123.113	4.772.733.956
Chi phí tài chính khác	-	290.359.881
Cộng	105.966.912.262	71.111.319.043

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.996.669.614	5.900.431.695
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ, dụng cụ	68.910.364	51.613.360
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.791.754.782	1.576.236.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.682.543.499	18.122.664.816
Chi phí khác bằng tiền	2.645.741.438	4.508.937.374
Cộng	30.185.619.697	30.159.883.870
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.367.878.917	6.162.792.658
Chi phí dụng cụ văn phòng	198.097.957	73.144.134
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.903.423.336	2.761.125.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.683.788.887	7.071.606.023
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	915.828.498	(218.360.164)
Chi phí bằng tiền khác	2.895.742.456	1.923.553.892
Cộng	27.964.760.051	17.773.861.953
19. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	201.818.182	319.044.047
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	736.475.000	1.946.982.797
Thu lãi sử dụng vốn	1.012.222.222	527.222.222
Thu phí triển khai, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Công ty TNHH Thép SMC	8.055.903.109	-
Thu lãi vi phạm hợp đồng	600.000.000	-
Điều chỉnh tăng thu nhập theo Biên bản quyết toán thuế năm 2008, 2009	-	6.460.760.832
Thu lãi quá hạn	3.183.829.511	3.481.941.984
Thu nhập khác	269.219.229	26.235.206
Cộng	14.059.467.253	12.762.187.088
20. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	166.825.219	63.817.115
Các khoản tiền phạt	344.033.143	1.514.394.115
Chi phí triển khai, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Công ty TNHH Thép SMC	8.055.903.109	-
Chi phí khác	28.521.785	14.243.230
Cộng	8.595.283.256	1.592.454.460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

22. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.576.788.515	67.612.241.116
Chi phí không được trừ	316.183.143	54.341.387
Cộng chi phí dự phòng phải thu khó đòi năm 2011	965.958.950	-
Cộng lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng	893.749.001	-
Thu nhập từ cổ tức	(41.741.086.961)	(11.010.880.877)
Cộng (trừ) chi phí dự phòng đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường năm 2010	(3.002.801.200)	4.101.855.100
Trừ chi phí dự phòng đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường năm 2009	-	(6.980.133.100)
Trừ các khoản điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế năm 2008, 2009	-	(4.946.366.717)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ này	18.008.791.448	48.831.056.909
Thuế TNDN phải nộp ước tính	4.502.197.862	12.207.764.228
Thuế TNDN được giảm (50%)	-	(3.511.522.151)
Thuế TNDN được giảm (30%)	(1.350.659.359)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.151.538.503	8.696.242.077
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.425.250.012	58.915.999.039
Các khoản điều chỉnh tăng / giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.425.250.012	58.915.999.039
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.943.729	16.309.519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.302	3.612
23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	15.364.548.531	12.063.224.353
Chi phí khấu hao	267.008.321	124.757.494
Chi phí vật liệu, dụng cụ và đồ dùng văn phòng	4.695.178.118	4.337.362.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.366.332.386	25.194.270.839
Chi phí khác bằng tiền	6.457.312.392	6.214.131.102
Cộng	58.150.379.748	47.933.745.823

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	607.185.065.057
		Cung cấp dịch vụ	90.000.000
		Nhận lợi nhuận được chia	14.196.987.212
		Bán tài sản cố định	7.721.702.027
		Phí hỗ trợ sử dụng vốn	1.696.482.985
		Mua hàng hoá	(37.497.589.399)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(528.797.051)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hoá	1.016.095.853.186
		Cung cấp dịch vụ	413.160.000
		Nhận lợi nhuận được chia	9.266.912.505
		Phí hỗ trợ sử dụng vốn	1.582.543.980
		Nhận cung cấp dịch vụ	(402.859.161)
		Mua hàng hoá	(119.216.181.453)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	515.380.954.654
		Cung cấp dịch vụ	84.000.000
		Phí hỗ trợ sử dụng vốn	2.488.764.483
		Nhận lợi nhuận được chia	4.170.928.813
		Thu khác	334.201.082
		Mua hàng hoá	(19.421.776.060)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(1.252.064.840)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	703.682.659.349
		Cung cấp dịch vụ	78.000.000
		Nhận lợi nhuận được chia	6.359.435.570
		Phí hỗ trợ sử dụng vốn	3.265.235.817
		Mua hàng hoá	(106.626.934.203)
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Bán hàng hoá	317.446.280.590
		Nhận lợi nhuận được chia	2.075.740.821
		Mua hàng hoá	(560.569.568)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (trước đây là Công ty Cổ phần Hải Việt)	Công ty con	Bán hàng hoá	6.658.776.000
		Lãi cho vay	892.800.000
		Bán tài sản cố định	181.818.182
		Mua hàng hoá	(147.778.455.974)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(1.729.655.215)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Nghiệp vụ các bên liên quan (tiếp theo)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải thu	99.853.324.230
		Phải thu khác	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	– Công ty con	Phải thu	109.518.171.525
		Phải thu khác	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	219.180.672.994
		Phải thu khác	20.038.377.500
Công ty TNHH MTV Kinh doanh thép SMC	Công ty con	Phải thu	158.192.178.140
		Phải thu khác	9.566.454.167
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Nhận trả trước	(6.492.476.382)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (trước đây là Công ty Cổ phần Hải Việt)	Công ty con	Phải trả	(9.691.785.322)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả khác	(1.120.000.000)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Cam kết bán hàng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có cam kết bán thép đến khách hàng theo các hợp đồng mua bán thép như sau:

	Số lượng	Giá trị
Theo hợp đồng	9.737.935	122.233.814.329
Đã thực hiện	6.608.360	81.064.592.159
Còn thực hiện	3.129.575	41.169.222.170

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Một số chỉ tiêu khác

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2010
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,24%	81,39%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,76%	18,61%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	72,18%	75,44%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	27,82%	24,56%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,39	1,33
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,11	1,08
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,05
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,84%	1,11%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,80%	0,97%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,20%	3,25%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,03%	2,83%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	10,90%	11,52%

Nguyễn Văn Lâm
Người lập biểu

Nguyễn Bình Trọng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 02 năm 2012